



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

---

# **THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG VII/2017**



**HÀ NỘI, THÁNG VIII/2017**

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: [son.nguyenhong@imh.ac.vn](mailto:son.nguyenhong@imh.ac.vn);

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VII/2017.....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ .....	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên .....	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VII/2017.....	13
1. Đối với cây lúa .....	13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp .....	15
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VIII, IX, X/2017 .....	16
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

## I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VII/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VII/2017 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ( $-1,3^{\circ}\text{C}$  đến  $1,3^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-299\text{mm}$  đến  $606\text{mm}$  (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-134$  giờ đến  $33$  giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-12\%$  đến  $14\%$ ).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VII/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

### 1. Vùng Tây Bắc

#### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

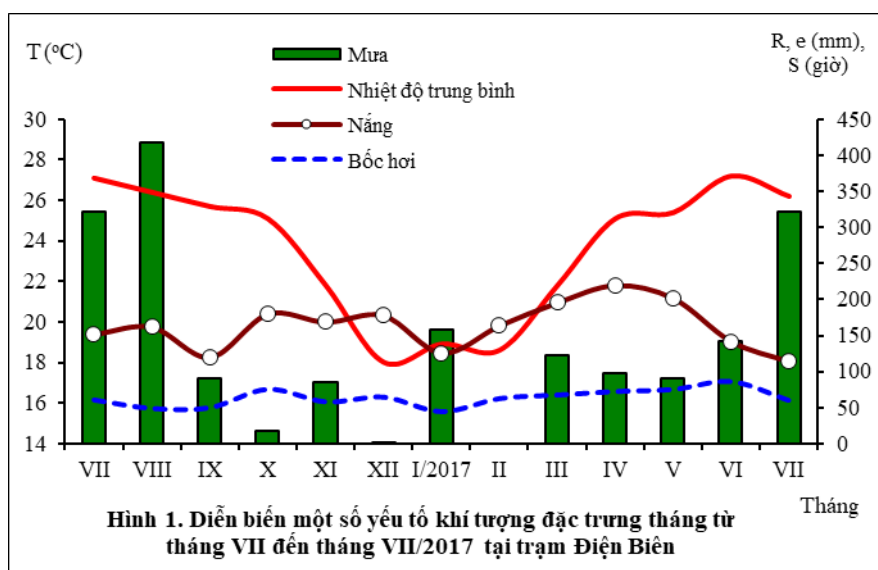
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-1,2$  đến  $1,0^{\circ}\text{C}$ ; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ  $20,7^{\circ}\text{C}$  đến  $28,5^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ  $18,7^{\circ}\text{C}$  đến  $25,9^{\circ}\text{C}$ , giá trị thấp nhất là  $16,5^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 28/VII tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $23,8^{\circ}\text{C}$  đến  $33,0^{\circ}\text{C}$ , giá trị cao nhất là  $39,9^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 31/VII tại Hòa Bình. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

#### 1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VII/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Điện Biên

xung quanh giá trị TBNN (-172mm đến 272mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 194mm đến 640mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 32mm đến 179mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 20 đến 25 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 24 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

### ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng VII/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ 70 giờ đến 33 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 102 giờ đến 172 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2017 dao động từ 79% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 4%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 31/VII tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VII/2017 có giá trị phổ biến từ 37mm đến 60mm, cao nhất là 113mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-603mm đến -137mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 5mm.

### ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 6 ngày, trong đó một số nơi có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 3 đến 16 ngày.

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng VII/2017 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,2<sup>0</sup>C đến 1,2<sup>0</sup>C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 19,6<sup>0</sup>C đến 28,9<sup>0</sup>C

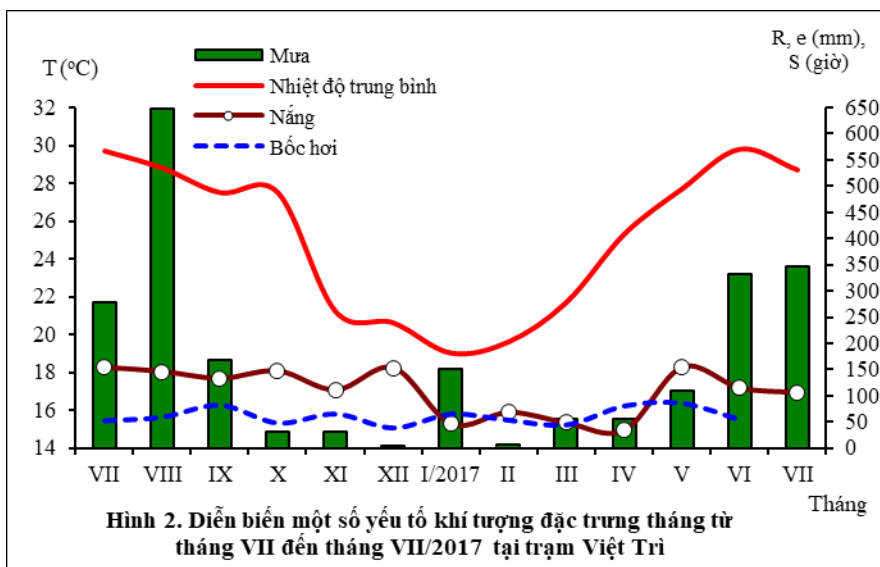
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,6<sup>0</sup>C đến 26,6<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,3<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 10/VII tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,3<sup>0</sup>C (Sa Pa) đến 33,2<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí cao nhất là 38,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 31/VII tại Việt Trì.

## 2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 304mm đến 594mm; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-299mm đến 223mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 48mm đến 161mm, cao nhất là 179mm xảy ra vào ngày 8/VII tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 19 - 27 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 23 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày.



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Việt Trì

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 78 giờ đến 169 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-100 giờ đến 20 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2017 phổ biến từ 83 đến 91%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-3% đến 5%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44%, xảy ra vào ngày 27/VII tại Mù Căng Chải.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 43mm đến 98mm, thấp nhất là 29mm tại Sapa, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-540mm đến -216mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 6mm.

## 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

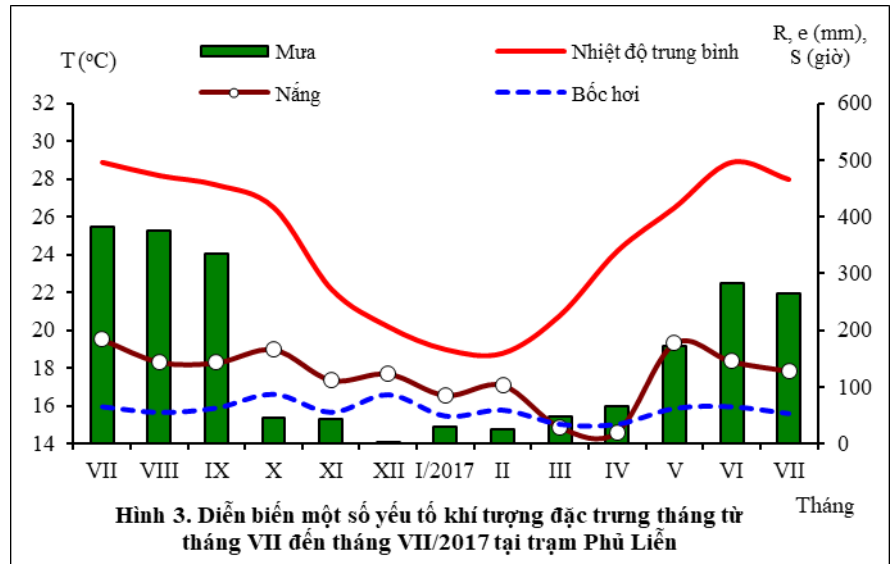
- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày, một số nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 4 đến 21 ngày.

### 3. Vùng Đông Bắc

#### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-0,7 đến -0,2<sup>0</sup>C); có giá trị dao động từ 26,5<sup>0</sup>C đến 29,0<sup>0</sup>C (hình 10).



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Phù Liên

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30,2<sup>0</sup>C đến 33,0<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,0<sup>0</sup>C xảy ra vào các ngày 30/VII tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 23,2<sup>0</sup>C đến 26,5<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 4/VII tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

#### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VII/2017 dao động phổ biến từ 202mm đến 623mm, cao nhất là 1088mm tại Móng Cái, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-56mm đến 192mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 42 đến 107mm, cao nhất là 131mm xảy ra vào ngày 13/VII tại Móng Cái.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 17 - 28 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 23 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 9 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

#### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VII/2017 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-94 giờ đến -27 giờ) (hình 12) và phổ biến dao

động trong khoảng từ 114 giờ đến 151 giờ (Phù Liên).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2017 ở các nơi dao động phổ biến từ 83 đến 90%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 2% - 7%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 48% xảy ra vào ngày 30/VII tại Thất Khê.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 41mm đến 80mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-442mm đến -127mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 - 6mm (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 3 ngày, trong đó tại Thất Khê có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 11 đến 22 ngày.

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

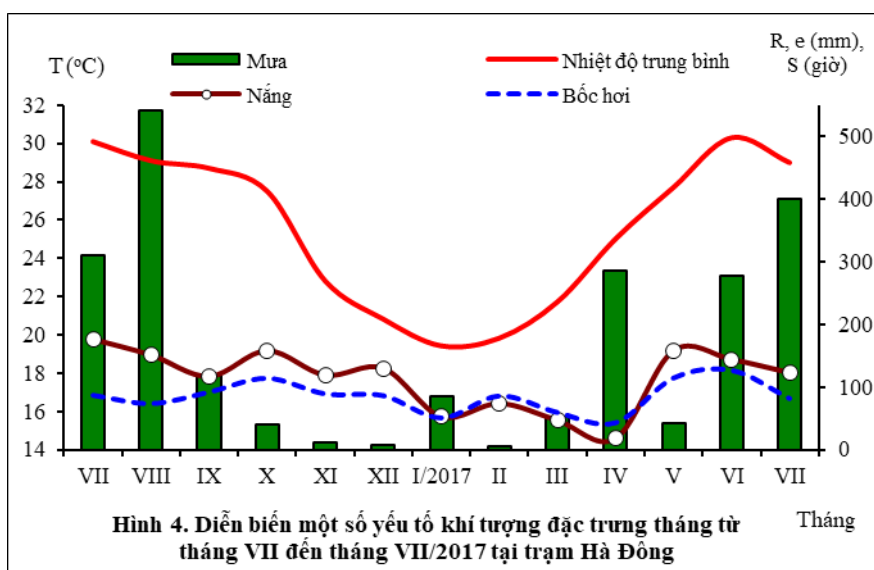
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 28,5<sup>0</sup>C đến 29,4<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -0,4<sup>0</sup>C đến -0,2<sup>0</sup>C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,2<sup>0</sup>C đến 33,1<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 31/VII tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 26,0<sup>0</sup>C đến 27,0<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 26/VII tại Nam Định. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.2. Diễn biến về mưa

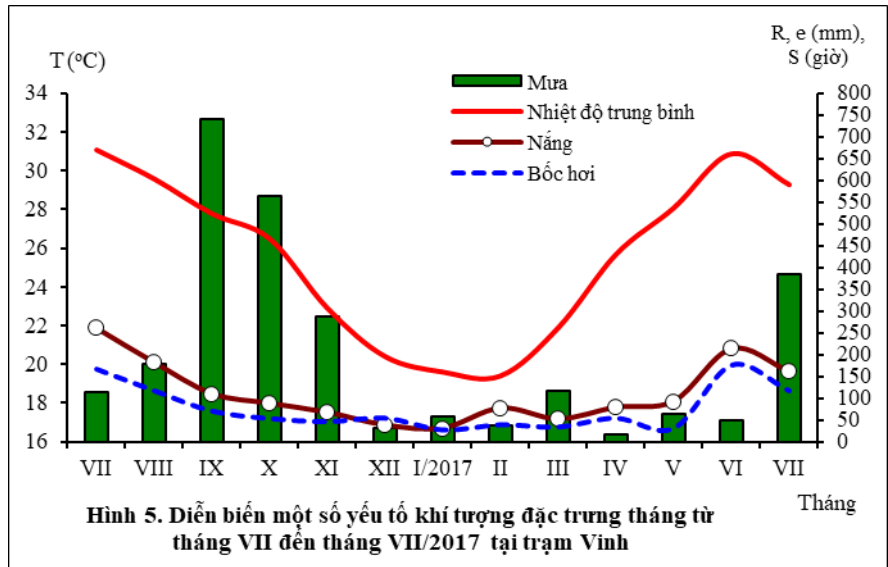
- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -52mm đến 249mm, (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Hà Đông

từ 196mm đến 484mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 34 đến 163mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 18 đến 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 17 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 5 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Vinh

#### 4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2017 ở các nơi trong vùng dao động từ 100 giờ đến 125 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -122 giờ đến -70 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 80% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-4% đến 6%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 49% xảy ra vào ngày 27/VII tại Láng.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 58mm đến 95mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -442mm đến -127mm.

#### 4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 3 ngày, trong đó một số nơi có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 7 đến 20 ngày.

### 5. Vùng Bắc Trung Bộ

#### 5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ  $-0,8^{\circ}\text{C}$  đến  $-0,2^{\circ}\text{C}$  (hình 10) và có giá trị từ  $27,6^{\circ}\text{C}$  đến  $29,3^{\circ}\text{C}$ .

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,9<sup>0</sup>C đến 33,4<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 31/VII tại Hội Xuân.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,9<sup>0</sup>C đến 27,1<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 29/VII tại Quỳnh Hợp. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### **5.2. Diễn biến về mưa**

- Trong tháng VII/2017, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 183mm đến 578mm, cao nhất là 751mm tại Hương Khê. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (105mm đến 606mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 74 đến 189mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 11 - 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 16 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 13 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### **5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 110 đến 191 giờ, cao nhất là tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -134 giờ đến -40 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 69% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-14% đến 10%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 45% xảy ra vào ngày 9/VII tại Hương Khê.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 46mm đến 123mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 9mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-681mm đến -230mm).

### **5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 4 đến 18 ngày.

## **6. Vùng Trung Trung Bộ**

### **6.1. Diễn biến nhiệt độ**

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2017 từ 24,9<sup>0</sup>C đến 29,0<sup>0</sup>C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-1,3<sup>0</sup>C đến 0,3<sup>0</sup>C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình

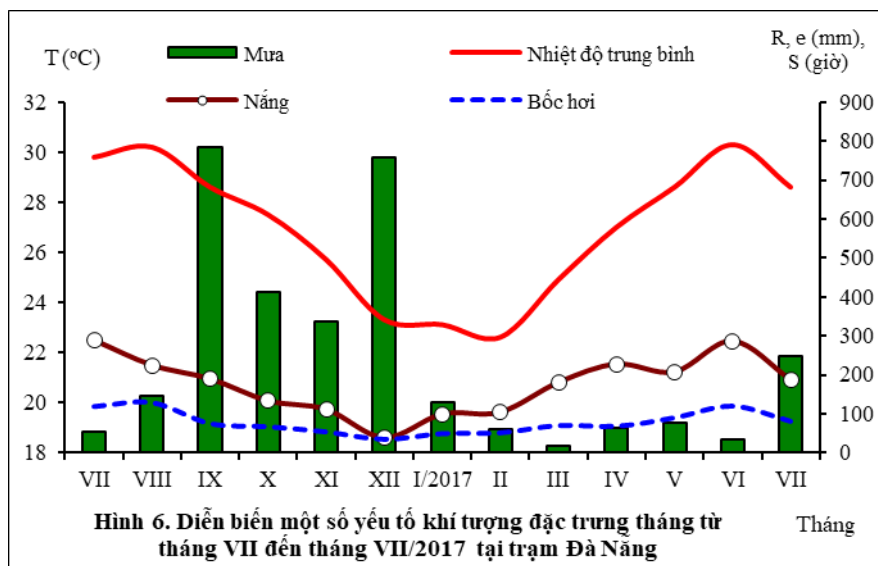
tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,0°C đến 34,0°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,0°C xảy ra vào ngày 3/VII tại Quảng Ngãi.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,3°C đến 26,6°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 20,5°C xảy ra vào ngày 20/VII tại A Luoi.

### 6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng VII/2017 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 217mm đến 490mm, cao nhất là 626mm tại Tuyên Hóa. Ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (110mm đến 400mm).



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Đà Nẵng

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 51 đến 179mm, cao nhất là 2018mm xảy ra vào ngày 25/VII tại Đông Hà.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 12 đến 28 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 21 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 11 ngày. Có thể xem biên trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng VII đến tháng VII/2017 trên hình 6.

### 6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 113 giờ đến 187 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-99 giờ đến -53 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 77% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 12%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 3/VII tại Đà Nẵng.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 39mm đến 921mm, cao nhất là 121mm tại Đồng Hới. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 9mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-198mm đến -1676mm).

### 6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

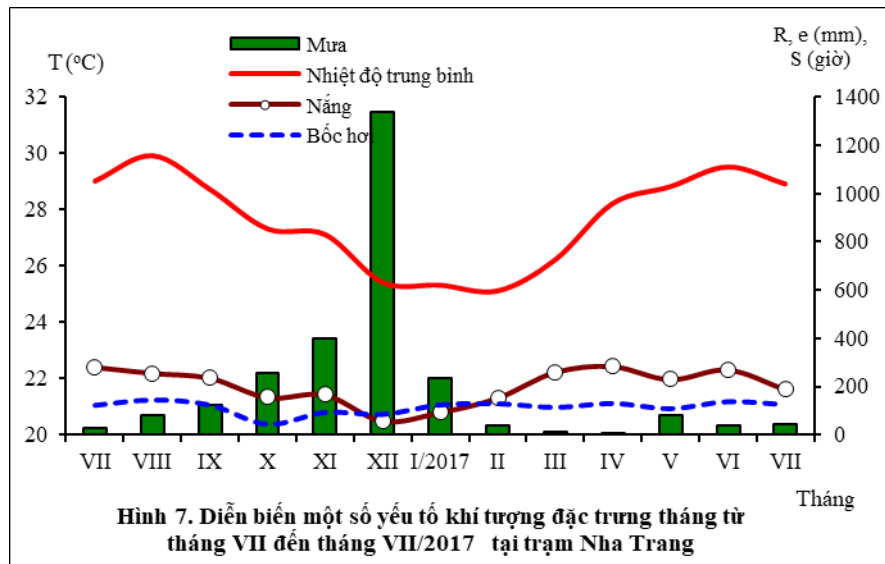
- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 8 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 12 đến 28 ngày.

## 7. Vùng Nam Trung Bộ

### 7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2017 từ 27,5<sup>0</sup>C đến 29,9<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,2 đến 0,6<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,3<sup>0</sup>C đến 33,7<sup>0</sup>C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 2/VII tại Hoài Nhơn.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Nha Trang

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,0<sup>0</sup>C đến 27,7<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,6<sup>0</sup>C, xảy ra vào ngày 4/VII tại Phan Rang. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng VII đến tháng VII/2017 được thể hiện trên hình 7.

### 7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VII/2017, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 42mm đến 160mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -64mm đến 101mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 17mm đến 457mm, cao nhất là 56mm, xảy ra vào ngày 11/VII tại Tuy Hòa.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 11 đến 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 4 đến 12 ngày.

### 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 184 giờ đến 209 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-79 giờ đến -18 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 73% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 43% xảy ra vào ngày 07/VII tại Quy Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 78mm đến 159mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 10mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-61mm đến 89mm).

### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 8 ngày, với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 5 đến 9 ngày.

## 8. Vùng Tây Nguyên

### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

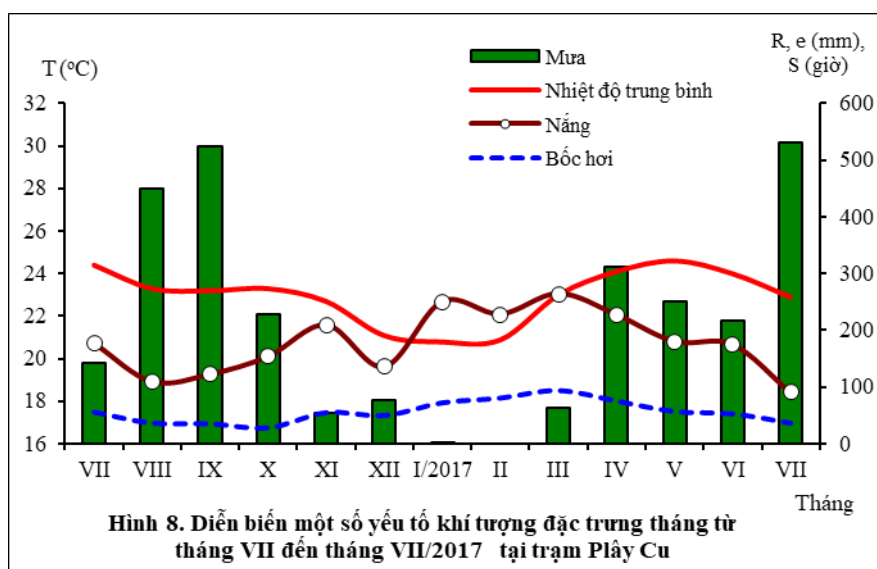
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2017 từ 19,7<sup>0</sup>C đến 27,8<sup>0</sup>C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4<sup>0</sup>C đến 0,8<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,8<sup>0</sup>C đến 31,6<sup>0</sup>C; giá trị

nhiệt độ không khí cao nhất là 34,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 09/VII tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,8<sup>0</sup>C đến 21,5<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 18/VII tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

### 8.2. Diễn biến về mưa



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Plây Cu

- Tổng lượng mưa tháng VII/2017 dao động từ 61mm đến 530mm, cao nhất là 600mm tại Đắc Nông. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -43mm đến 262mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 12mm đến 89mm, cao nhất là 111mm vào ngày 12/VII tại An Khê. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 11 đến 31 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 31 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 0 đến 7 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

### ***8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2017 phổ biến từ 95 giờ đến 169 giờ, thấp nhất là 64 giờ tại Đắc Tô. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-77 giờ đến -28 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -6% đến 6% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 76% đến 95%; độ ẩm không khí thấp nhất là 53% xảy ra vào ngày 9/VII tại Bảo Lộc.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 28mm đến 83mm, cao nhất là 108mm tại An Khê. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-569mm đến -165mm).

### ***8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 11 ngày.

## **9. Vùng Nam Bộ**

### ***9.1. Diễn biến nhiệt độ***

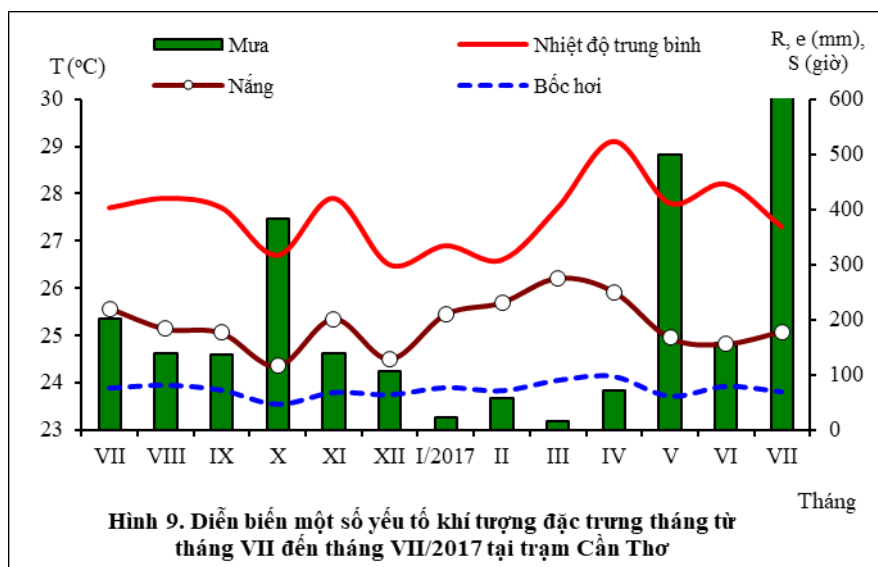
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2017 từ 26,0<sup>0</sup>C đến 28,4<sup>0</sup>C (Tân Sơn Nhất), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,2<sup>0</sup>C đến 1,35<sup>0</sup>C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,5<sup>0</sup>C đến 33,4<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 10/VII tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,5<sup>0</sup>C đến 25,6<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 17/VII tại Càng Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Cần Thơ.

## 9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VII/2017 dao động phổ biến từ 146mm đến 570mm, cao nhất là 771mm tại Cần Thơ. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-122mm đến 544mm).



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2017 tại trạm Cần Thơ

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 30mm đến 66mm, cao nhất là 82mm xảy ra vào ngày 20/VII tại Xuân Lộc.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 7 đến 30 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 0 đến 4 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 30 ngày.

## 9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2017 phổ biến từ 97 giờ đến 186 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-77 giờ đến 10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ - 5% đến 4% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 28% xảy ra vào ngày 9/VII tại Mộc Hóa và ngày 26/VII tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 38mm đến 97mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-702mm đến -78mm).

## 9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 19 ngày.

## II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VII/2017

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng nhìn chung thuận lợi với nhiệt độ cao; mưa và nắng trên các vùng dao động xấp xỉ giá trị trung bình nhiều năm.

Nhiệm vụ chủ yếu của ngành trồng trọt trong tháng VII là gieo cấy lúa mùa ở các tỉnh phía Bắc, chăm sóc lúa hè thu và thu hoạch lúa hè thu sớm ở các tỉnh phía Nam. Tính đến cuối tháng VII, cả nước đã gieo cấy đạt 1.112,7 ngàn ha lúa mùa, bằng 10,7% cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh miền Bắc gieo cấy đạt 944,8 ngàn ha. Hiện các địa phương phía Bắc đã cơ bản hoàn thành công tác gieo cấy lúa mùa, lúa phát triển tương đối tốt, diện tích lúa mùa sớm đang trong giai đoạn hồi xanh - đẻ nhánh. Các tỉnh miền Nam cũng đã xuống giống đạt 167,9 ngàn ha, tập trung chủ yếu tại các tỉnh thuộc địa bàn Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Điểm nổi bật trong tháng là cơn bão số 2 đã gây mưa lớn ở các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế. Tổng lượng mưa hai ngày 16 và 17-7 phổ biến từ 70-150mm; riêng các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình có lượng mưa phổ biến từ 150-300mm, một số nơi có mưa đặc biệt to như tại TP Hà Tĩnh 311mm, Hoàn Sơn (Hà Tĩnh) 365mm, Ba Đồn (Quảng Bình) 323mm... gây thiệt hại nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, cụ thể:

Tại Thanh Hóa có 590 ha lúa bị ngập úng, đổ gãy; 980 ha hoa màu bị đổ gãy, hư hỏng; 1.023 cây lâm nghiệp và cây xanh đô thị bị đổ gãy

Tại Nghệ An: Hơn 11.939 ha hoa màu bị ngập và thiệt hại, gần 15.000 ha rừng, cây trồng bị đổ gãy; 464 con gia súc bị chết, nước cuốn trôi; 6.856 con gia cầm bị chết; nhiều chuồng trại cũng bị hư hỏng.

Tại Hà Tĩnh: 607 ha lúa, 290 ha hoa màu bị ngập, úng

Ngoài ra, bão số cũng gây mưa lớn ở các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc như: Bắc Cạn, Thái Nguyên, Hoà Bình, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp

### 1. Đối với cây lúa

+ **Lúa hè thu:** Tính đến cuối tháng, tổng diện tích gieo cấy lúa hè thu cả nước ước đạt 2.124,8 ngàn ha, bằng 102% cùng kỳ. Trong đó, tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Nam đạt 1.924,8 ngàn ha, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng ĐBSCL ước 1.649,3 ngàn ha, chiếm 77,6% diện tích gieo cấy cả nước và giảm 2,3% so với cùng kỳ.

Diện tích lúa hè thu 2017 tại các tỉnh vùng ĐBSCL dự báo có thể thấp hơn cùng kỳ do một số diện tích chuyển qua trồng cây hàng năm, cây lâu năm (một phần kế hoạch này đã thực hiện từ vụ đông xuân), hoặc lợi vụ (không sản

xuất) để điều chỉnh lịch thời vụ, thực hiện đo đạc lại diện tích đất nông nghiệp, xây dựng khu dân cư và công trình phúc lợi.

Hiện trà lúa hè thu muộn ở giai đoạn đứng cái, làm đòng, trà lúa hè thu sớm đã cho thu hoạch 663,7 nghìn ha, chiếm 34,5% diện tích xuống giống, năng suất ước đạt 58,7 tạ/ha, trong đó vùng ĐBSCL thu hoạch đạt 654,3 nghìn ha, bằng 39,7% diện tích xuống giống. Lúa hè thu đang phát triển tương đối tốt.

+ **Lúa mùa:** Tính đến cuối tháng VII, cả nước đã gieo cấy đạt 1.112,7 nghìn ha lúa mùa. Phần lớn diện tích lúa mùa tập trung ở các tỉnh miền Bắc với diện tích gieo cấy đạt 944,8 nghìn ha, bằng 111% cùng kỳ, riêng vùng đồng bằng sông Hồng gieo cấy được 490,6 nghìn ha, bằng 97,8% cùng kỳ. Các tỉnh miền Nam cũng đã xuống giống đạt 167,9 nghìn ha, bằng 109,1% so với cùng kỳ năm trước, tập trung chủ yếu tại các tỉnh thuộc địa bàn Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Hiện các địa phương phía Bắc đã cơ bản hoàn thành công tác gieo cấy lúa mùa, lúa phát triển tương đối tốt, diện tích lúa mùa sớm đang trong giai đoạn hồi xanh - đẻ nhánh. Tiến độ gieo cấy lúa mùa ở các tỉnh phía Bắc nhanh hơn cùng kỳ do thời tiết năm nay thuận lợi hơn, các tỉnh phía Bắc hoàn thành vụ đông xuân sớm hơn cùng kỳ vì không chịu rét đậm rét hại nên gieo trồng lúa mùa sớm.

+ **Lúa thu đông:** Tính đến cuối tháng các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống đạt 355,4 nghìn ha lúa thu đông, thấp hơn 34 nghìn ha tương ứng 8,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Diện tích lúa thu đông năm nay tập trung nhiều ở các tỉnh Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, Hậu Giang và Long An. Một số địa phương khuyến cáo nông dân chỉ xuống giống trong vùng đê bao đảm bảo vượt lũ an toàn, đảm bảo thời gian cách ly giữa các vụ. Hiện lúa thu đông đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đòng, sinh trưởng và phát triển khá.

**Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VII/2017**

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Khá	Quá ẩm	
2		Điện Biên	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa mùa cấy, bén rễ hồi xanh			
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	Khá	4cm	
6		Lạng Sơn	Lúa đông xuân thu hoạch	TB	4cm	
7			Lúa mùa lá thứ 5			
8			Ngô chín hoàn toàn, thu hoạch	Khá	TB	

9		Bắc Giang	Lúa mùa bén rễ hồi xanh, đẽ nhánh	Khá	3cm	
10	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn lá thật 1	TB	Ấm	
11		Ba Vì	Chè lớn lá thật 1	TB	Ấm	
12	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	TB	4cm	
13		Hoài Đức	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	Khá	15cm	
14			Ngô lá thứ 7	Khá	Quá ẩm	
15			Lạc củ già	TB	Quá ẩm	
16			Cam ra lá mới	TB	Quá ẩm	
17		Hải Dương	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	TB		
18		Hưng Yên	Lúa mùa cấy	Khá	3cm	
19		Nam Định	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	TB	4cm	
20		Ninh Bình	Lúa mùa cấy, bén rễ hồi xanh	TB	3cm	
21		Thái Bình	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	TB	4cm	
22	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc mới trồng		Ấm	
23			Đậu tương mọc mầm	TB	Ấm	
24		Thanh Hoá	Lúa mùa đẽ nhánh	TB	3cm	
25		Quỳnh Lưu	Lúa đẽ nhánh - mọc dón	TB	14cm	
26		Đô Lương	Lúa mùa đẽ nhánh	TB	3cm	
27	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu mọc dón	TB	4cm	
28	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa hè thu mọc dón	Khá	3cm	
29		An Nhơn	Lúa hè thu ngâm sữa	Khá	4cm	
30	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt		
31	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Quá ẩm	
32		Trà Nóc	Lúa hè thu đẽ nhánh	TB	10cm	
33		Mỹ Tho	Lúa hè thu mọc dón, trở bông	TB	3cm	
34		Bạc Liêu	Lúa hè thu mọc dón	Khá	4cm	

## 2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài việc gieo trồng thu hoạch lúa hè thu và gieo trồng lúa thu đông, mùa, các địa phương tiếp tục triển khai việc gieo trồng các cây màu lương thực khác. Thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng giảm lúa tăng màu được nhiều địa phương quan tâm nên hầu hết các tỉnh đều có diện tích gieo trồng tăng. Nhằm đảm bảo sản xuất đạt thắng lợi, các ngành chức năng tăng cường khuyến cáo nông dân áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, thường xuyên thăm đồng,.. nhờ vậy, tình hình sâu bệnh gây hại giảm đáng kể. Tính đến cuối tháng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực cả nước ước đạt 1.417,7 ngàn ha, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích ngô đạt 851,7 ngàn ha, tăng 3,5% so cùng kỳ và đạt 72,2% kế hoạch; khoai lang đạt 113,6 ngàn ha, tăng 26,8% và đạt 80,6% kế hoạch; sắn đạt 444,7 ngàn ha, tăng 1,2%, đạt 80,8% kế hoạch.

Tại Hoài Đức ngô ra lá thứ 7, sinh trưởng khá trên nền đất quá ẩm. Lạc đang thu hoạch.

Chè lớn búp hái ở Mộc Châu, sinh trưởng khá trên nền đất quá ẩm. Chè lớn lá thật 1 ở Phú Hộ, Ba Vì, sinh trưởng trung bình, trên nền đất ẩm.

Cà phê trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt ở Tây Nguyên, sinh trưởng trung bình ở Xuân Lộc.

### **3. Tình hình sâu bệnh**

Theo báo cáo của Cục Bảo vệ thực vật trong tháng VII một số dịch bệnh hại lúa tiếp tục gia tăng so với cùng kỳ năm ngoái như sâu cuốn lá nhỏ hại lúa, rầy nâu, rầy nâu trắng hại lúa, bạc lùn sọc đen, riêng bệnh đạo ôn lá hại lúa dịch tích nhiễm đã giảm mạnh. Phần lớn các dịch hại tập trung ở các tỉnh Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Cụ thể tình hình sâu bệnh hại trên lúa như sau:

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Diện tích nhiễm 49.183 ha, diện tích bị nặng là 4.484 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ 7.761,1 ha, phía Nam nhiễm 40.519 ha.

- Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá: Diện tích nhiễm 6.113 ha, nhiễm nặng 2.502 ha. Tập trung chủ yếu tại Đồng Tháp, Long An, An Giang, Hậu Giang và Sóc Trăng.

- Bệnh lùn sọc đen: Diện tích nhiễm 319,5 ha, nhiễm nặng 85 ha. Phân bố tại các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Hà Tĩnh.

- Bệnh đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 2.964 ha, Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- Bệnh đạo ôn lá hại lúa: Diện tích nhiễm 41.352 ha, Tập trung tại các tỉnh phía Nam 41.162 ha (nặng 491 ha).

- Bệnh bạc lá: Diện tích nhiễm 11.715 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam 10.963 ha.

- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm 1.940 ha

- Sâu cuốn lá nhỏ: Diện tích nhiễm 57.153 ha, nặng 11.206 ha, tập trung tại các tỉnh Khu IV (42.633 ha).

- Chuột: Diện tích hại 6.867,1ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc bộ 1.230 ha, ĐBSCL 4651 ha, Miền trung 981,1 ha.

Ngoài ra còn có các đối tượng sinh vật gây hại khác: Bệnh lem lép hạt (16.928 ha), bệnh khô vằn (7.983 ha), nhện gié (2.581 ha), bọ trĩ (2.951 ha) ...

## **III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VIII, IX, X/2017**

### **3.1. Nhiệt độ**

Trong mùa 3 tháng VIII-X của năm 2017, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN từ dưới 0,5 đến hơn 1,5°C ở phần lớn diện tích cả nước với xác suất từ trên 77%. Nhiệt độ có khả năng thấp hơn TBNN từ dưới 0,5 đến 1°C một số vùng thuộc khu vực Đông Bắc với xác suất từ 55 đến trên 66%.

### **3.2. Lượng mưa**

Lượng mưa mùa VIII-X của năm 2017 có khả năng ở mức cao hơn TBNN từ 0 đến 400mm ở khu vực Đông Bắc, Đồng Bằng Bắc Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên với xác suất từ 55 đến 77%. Lượng mưa có khả năng thấp hơn TBNN từ 0 đến 200 mm ở khu vực Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nam Bộ với xác suất từ 44 đến 66%, từ 200 đến hơn 600mm ở khu vực Trung Trung Bộ với xác suất từ 55 đến 77%.

### **3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)**

Kết quả thống kê 3 tháng VIII-X trung bình thời kỳ 1971-2000, có khoảng 6 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và có 4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Dự báo XTNĐ năm 2017: Theo dự báo của Cơ quan Khí tượng Anh Quốc (cập nhật vào ngày 6 tháng 7 năm 2017), số lượng XTNĐ trên khu vực Tây Bắc TBD có khả năng thấp hơn TBNN. Theo dự báo của Cơ quan Khí tượng Hồng Kông (cập nhật vào tháng 7 năm 2017), số lượng XTNĐ trên khu vực Biển Đông có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN.

Trung bình của thời kỳ 1971 – 2000 có khoảng 4 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng VIII-X.

## **IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VII, trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng VIII/2017 và dự báo khí hậu 3 tháng VIII, IX và X/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

### **1. Miền Bắc**

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng nhìn chung ổn định nhưng ít thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp (đang bước vào thời điểm khẩn trương gieo cấy lúa mùa) do nền nhiệt độ cao, mưa dông nhiều;

- Do điều kiện khí tượng nông nghiệp thuận lợi cho sâu bệnh (lùn sọc đen, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu năn, bọ trĩ, bệnh đạo ôn lá, ốc bươu vàng) phát triển, gây hại nhiều diện tích lúa mùa sớm, các địa phương trong vùng cần có các biện pháp phòng chống sự phát triển và lây lan của sâu bệnh hại lúa và các loại rau màu.

- Trong những tháng tiếp theo, ở các tỉnh miền núi phía Bắc có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có biện pháp đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.

- Các tỉnh Miền Trung tập trung khắc phục hậu quả của cơn bão số 2

- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

## **2. Miền Nam**

- Do mưa nhiều ở các tỉnh Nam Bộ, gây khó khăn cho thu hoạch lúa hè thu, các địa phương trong vùng cần tranh thủ thời gian khô ráo để thu hoạch lúa hè thu và có biện pháp thoát nước cho trà lúa thu đông mới sạ.

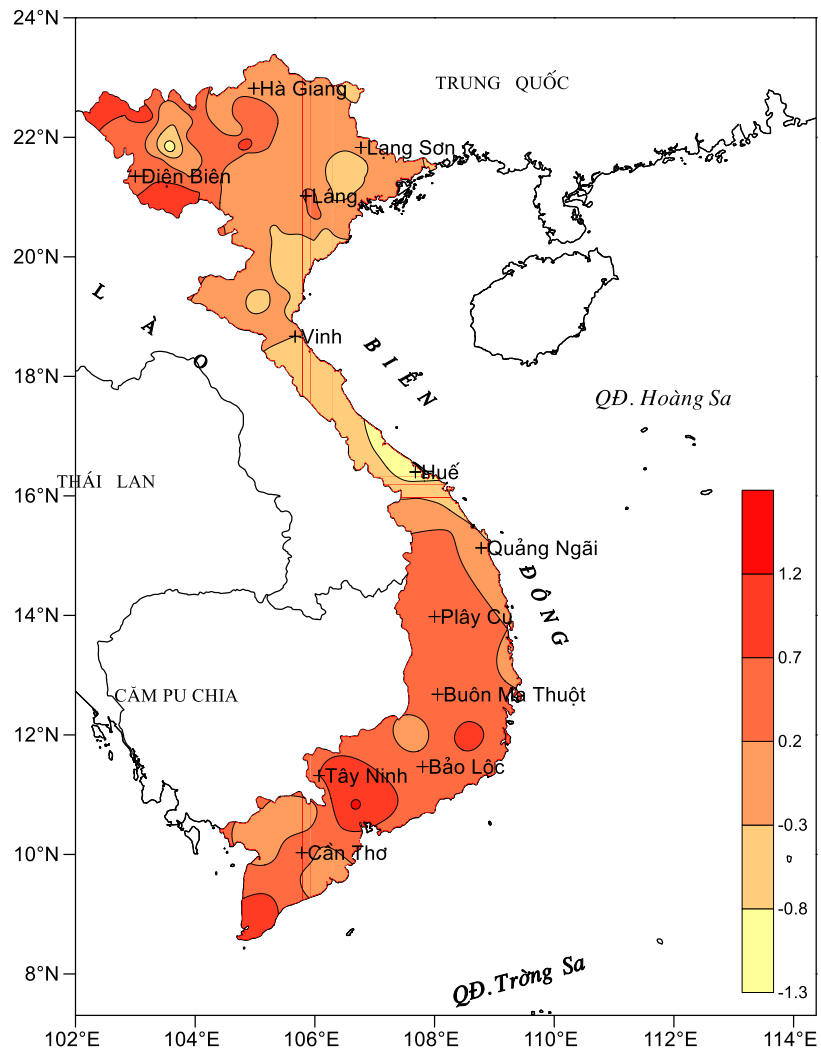
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa thu đông vừa mới sạ và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

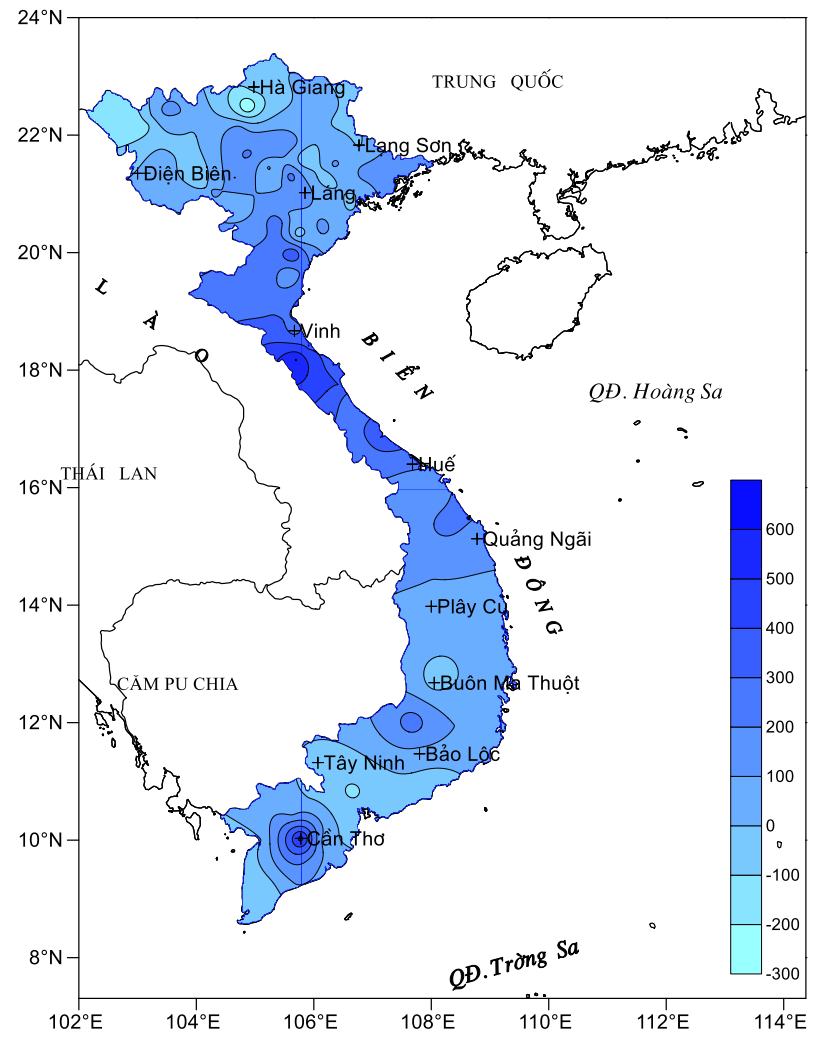
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VIII, VIII, IX năm 2017;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VIII năm 2017 các khu vực trên phạm VII cả nước;

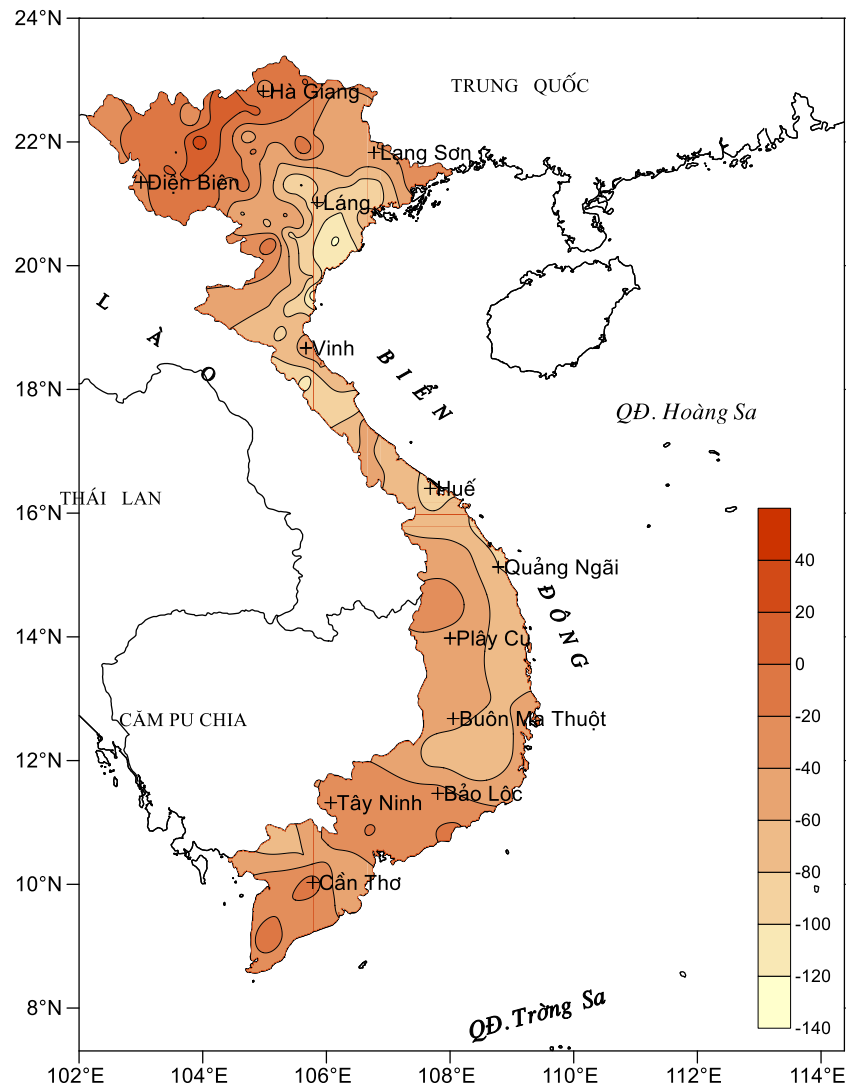
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VII năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



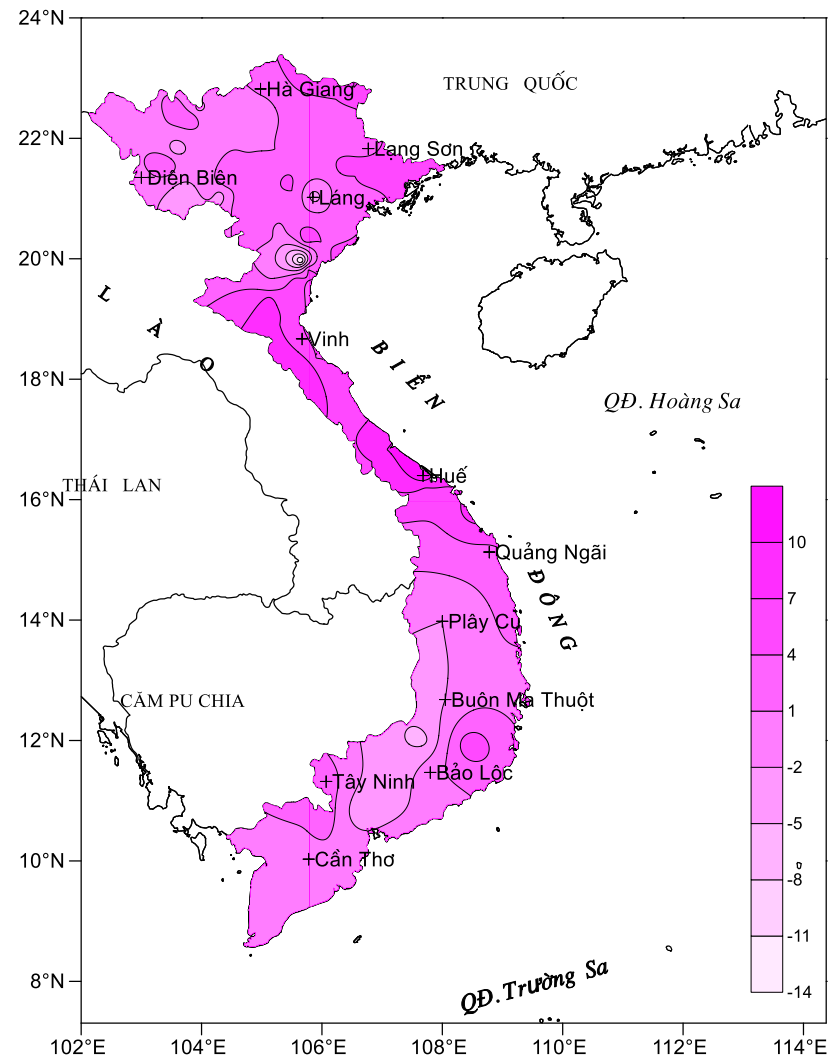
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VII/2017 so với TBNN (°C)



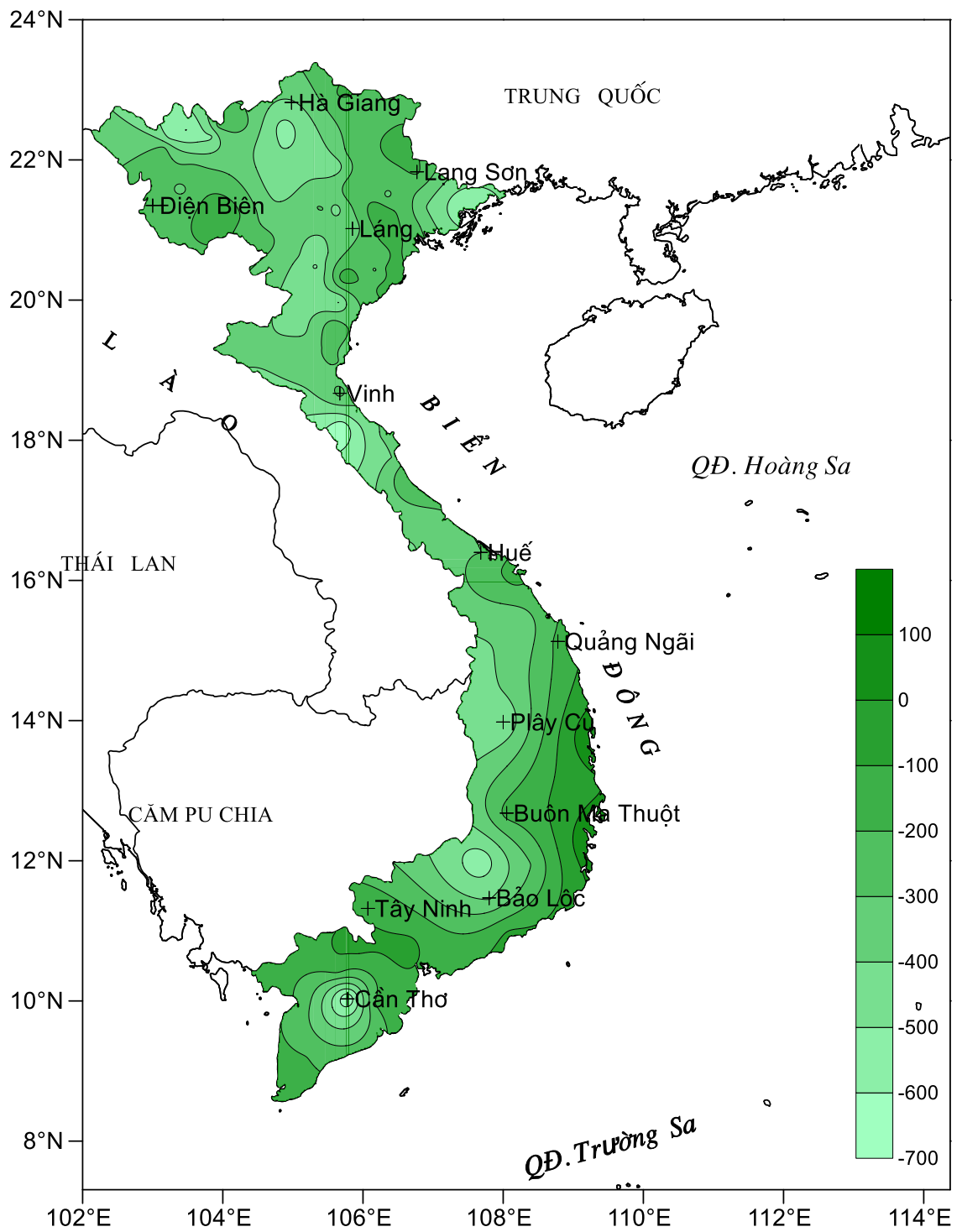
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VII/2017 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VII/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VII/2017 so với TBNN (%)



**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng VII/2017 (mm)**